

# MỘT SỐ KẾT QUẢ VỀ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH DÂN TỘC CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

LÊ HƯƠNG GIANG\*  
HỒ THỊ XUÂN THANH\*\*

*Trong mỗi thời kỳ cách mạng, Đảng Cộng sản Việt Nam coi việc giải quyết đúng đắn vấn đề dân tộc là nhiệm vụ có tính chiến lược nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp đưa đất nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Tại Đại hội XIII, trên cơ sở đánh giá những kết quả đạt được cũng như những hạn chế trong thực hiện chính sách về dân tộc, Đảng đã nhấn mạnh việc tổ chức thực hiện chính sách dân tộc, có cơ chế thúc đẩy tính tích cực, ý chí tự lực, tự cường của đồng bào các dân tộc thiểu số phát triển kinh tế - xã hội, thực hiện giảm nghèo đa chiều, bền vững. Bài viết sẽ tập trung làm rõ nội dung vấn đề này.*

*Từ khóa:* Chính sách dân tộc; dân tộc thiểu số; Đảng Cộng sản Việt Nam.

*The Communist Party of Viet Nam considers a sound approach to the ethnicity issues strategic to promote synergy in each revolutionary period to move the country towards the socialism. In the 13th National Party Congress, based on the assessment of the achievements and limitations of the ethnicity policy implementation, the Party emphasized the organization of the ethnicity policy implementation with a mechanism to promote activeness, determination, and self-reliance of ethnic minorities for socio-economic development and multi-dimensional, sustainable poverty reduction. These issues were focused and clarified in the paper.*

*Keywords:* Ethnicity policy; ethnic minority; Communist Party of Viet Nam.

NGÀY NHẬN: 08/4/2023

NGÀY PHẢN BIỆN, ĐÁNH GIÁ: 18/5/2023

NGÀY DUYỆT: 16/6/2023

## 1. Tình hình thực hiện các chính sách dân tộc của Đảng Cộng sản Việt Nam

Việt Nam là một quốc gia đa dân tộc, đa dạng về văn hóa thì vấn đề dân tộc (VĐDT), vấn đề giai cấp với vấn đề quốc phòng - an ninh và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ có mối quan hệ không tách rời. Đó là đặc điểm lớn, đặc trưng riêng lịch sử của văn hóa Việt Nam. Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh: “Chính sách dân tộc của chúng ta là nhằm thực hiện sự bình đẳng, giúp nhau giữa các dân tộc để

cùng nhau tiến lên chủ nghĩa xã hội”<sup>1</sup>.

Từ Đại hội Đảng lần thứ II - V, Đảng ta đều nhấn mạnh nguyên tắc “Đoàn kết, bình đẳng giữa các dân tộc”, giải quyết đúng đắn VĐDT là một trong những nhiệm vụ có tính chất chiến lược của cách mạng Việt Nam. Vào thời kỳ đổi mới, các văn kiện Đại hội Đảng đều xác định VĐDT “có vị trí chiến

\* TS, Trường Đại học Lao động - Xã hội

\*\* ThS, Trường Đại học Lao động - Xã hội

lược lớn”, “luôn luôn có vị trí chiến lược”, “có vị trí chiến lược lâu dài trong sự nghiệp cách mạng nước ta”... Đến Đại hội XIII, Đảng ta tiếp tục khẳng định vị trí chiến lược của chính sách đoàn kết các dân tộc trên cơ sở bảo đảm các dân tộc bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng, giúp nhau cùng phát triển. Điểm đặc biệt chú ý của Đại hội XIII là coi “Phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và nền văn hóa, con người Việt Nam; thúc đẩy đổi mới sáng tạo, ứng dụng mạnh mẽ khoa học và công nghệ, nhất là những thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại; phát huy tối đa nội lực, tranh thủ ngoại lực, trong đó nguồn lực nội sinh, nhất là nguồn lực con người là quan trọng nhất”<sup>2</sup>.

Nhờ có các chính sách khuyến khích phát triển kinh tế dành cho đồng bào dân tộc thiểu số (DTTS) của Đảng và Nhà nước, nhiều mô hình kinh tế đã triển khai đem lại hiệu quả kinh tế cao, giúp đồng bào thoát nghèo và phát triển bền vững. Khi chú trọng tính đặc thù của từng vùng, từng dân tộc, Đại hội VII (tháng 6/1991), VĐDT được nhấn mạnh: “Có chính sách phát triển kinh tế hàng hóa ở các vùng dân tộc thiểu số phù hợp với điều kiện và đặc điểm của từng vùng, từng dân tộc, bảo đảm cho đồng bào các dân tộc thiểu số khai thác được thế mạnh của địa phương để làm giàu cho mình và đóng góp vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước”<sup>3</sup>.

Tại Đại hội IX, Đảng ta tiếp tục khẳng định nhất quán về chính sách dân tộc (CSDT), đồng thời chỉ ra phương hướng, mục tiêu, động lực của sự phát triển kinh tế - xã hội ở vùng đồng bào DTTS. Nhằm cụ thể hóa chính sách dân tộc (CSDT), Hội nghị Trung ương 7 (khóa IX) đã ban hành Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 12/3/2003 về công tác dân tộc (CTDT). Đây là Nghị quyết chuyên đề đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam về CTDT trong thời kỳ đổi mới, thời kỳ

đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Trên cơ sở đánh giá toàn diện về VĐDT, CTDT và xuất phát từ yêu cầu của tình hình mới, Nghị quyết số 24-NQ/TW chỉ rõ: VĐDT và đoàn kết dân tộc là vấn đề chiến lược cơ bản, lâu dài, thể hiện tầm nhìn chiến lược và tư duy đổi mới của Đảng ta trong bối cảnh, tình hình có nhiều chuyển biến, thay đổi.

Từ thực tế VĐDT và quan hệ dân tộc ở Việt Nam, Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) khẳng định: “Tạo mọi điều kiện để các dân tộc cùng phát triển”<sup>4</sup>. Đại hội XIII, trên cơ sở đánh giá những kết quả đạt được cũng như những hạn chế trong thực hiện CSDT, đã đề ra chủ trương: “Chú trọng tính đặc thù của từng vùng đồng bào dân tộc thiểu số trong hoạch định và tổ chức thực hiện chính sách dân tộc. Có cơ chế thúc đẩy tích cực, ý chí tự lực, tự cường của đồng bào các dân tộc thiểu số phát triển kinh tế - xã hội, thực hiện giảm nghèo đa chiều, bền vững”<sup>5</sup>.

Việc áp dụng các chính sách cụ thể cho từng vùng đồng bào DTTS là một bước tiến quan trọng, thể hiện sự đổi mới trong nhận thức của Đảng Cộng sản Việt Nam về sự công bằng trong phát triển giữa các dân tộc và các vùng, miền nói chung. Những chính sách đầu tư thích hợp cho mỗi nhóm đối tượng, khu vực khó khăn sẽ nhận được những ưu đãi đặc biệt về quy mô đầu tư, từ đó giúp cho những khu vực này nhanh chóng theo kịp trình độ phát triển chung của cả nước.

## 2. Vận dụng chính sách dân tộc của Đảng Cộng sản Việt Nam trong thực tiễn cách mạng

Thực tiễn đã chứng minh, CSDT của Việt Nam luôn được bổ sung, sửa đổi, hoàn thiện nhằm đáp ứng yêu cầu thực tiễn và sự phát triển của đất nước. Hiện nay, Đảng ta xác định, vấn đề đổi mới cơ cấu kinh tế và tổ chức sản xuất theo hướng chuyển sang sản xuất hàng hóa phù hợp với đặc điểm kinh tế

của từng vùng, tiểu vùng, dân tộc; gắn phát triển kinh tế - xã hội với giải quyết VDDT và quốc phòng - an ninh có vị trí rất quan trọng. Các chương trình, như: Chương trình 135 (Quyết định số 135/1998/QĐ-TTg ngày 31/7/1998 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển kinh tế - xã hội tại các xã đặc biệt khó khăn miền núi và vùng sâu, vùng xa); Chương trình 143 (Quyết định số 143/2001/QĐ-TTg ngày 27/9/2001 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình xóa đói, giảm nghèo và tạo việc làm giai đoạn 2001 - 2005); Chương trình 134 (Quyết định số 134/2004/QĐ-TTg ngày 20/7/2004 của Thủ tướng Chính phủ); Chương trình phân bổ đất rừng và trồng rừng; các chính sách về giáo dục, y tế,...

Theo Báo cáo số 426/BC-CP ngày 04/10/2018 của Chính phủ đánh giá 3 năm thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng DTTS và miền núi đã ban hành 41 chương trình, chính sách, trong đó có 15 chính sách trực tiếp cho đồng bào DTTS, vùng DTTS và 36 chính sách chung có ưu tiên cho đồng bào các DTTS, gồm: chính sách hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt, phát triển sản xuất và ổn định đời sống cho người DTTS nghèo, hộ nghèo vùng đặc biệt khó khăn; ổn định cuộc sống cho người DTTS di cư tự phát; phát triển kinh tế - xã hội cho các DTTS rất ít người...

Từ năm 2003 - 2020, Nhà nước đã tập trung bố trí đầu tư, hỗ trợ kinh phí nhằm phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi. Theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, trong đó giai đoạn I: từ năm 2021 - 2025, Chương trình đặt mục tiêu sẽ giảm tỷ lệ hộ nghèo vùng DTTS hàng năm trên 3%, tăng thu nhập của các hộ gia đình gấp trên 2 lần so với 2019 và đến 2030 tỷ lệ hộ nghèo

giảm xuống còn dưới 10%. Nguồn lực đầu tư đó được tập trung vào xây dựng hàng vạn công trình kết cấu hạ tầng (đường giao thông, công trình thủy lợi, hệ thống điện, công trình nước sạch, trường học, lớp học, trạm y tế, nhà văn hóa, trung tâm cụm xã...); hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội cho DTTS rất ít người; hỗ trợ nhà ở, đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt, hỗ trợ vay vốn phát triển sản xuất... cho hàng trăm nghìn hộ đồng bào các DTTS. Nhờ vậy, vùng đồng bào các DTTS đã có sự phát triển mạnh mẽ hơn, phong phú và đa dạng hơn, đời sống vật chất và tinh thần của người dân được cải thiện rõ rệt so với trước thời kỳ đổi mới.

Tuy nhiên, so với sự phát triển của đất nước nói chung, vùng đồng bào DTTS vẫn là vùng chậm phát triển nhất. Việc hoạch định và thực hiện CSDT ở nước ta vẫn còn những khó khăn, bất cập. Các nguyên nhân là do:

- (1) Một số chính sách thiếu tính cụ thể, khả thi, chưa phù hợp với thực tiễn;
- (2) Bộ máy tổ chức thực hiện còn thiếu đồng bộ, đội ngũ cán bộ còn thiếu và yếu;
- (3) Trình độ phát triển kinh tế - xã hội giữa các dân tộc không đồng đều nhau. Ở một số vùng đồng bào DTTS, có nhiều khó khăn trong việc tiếp nhận và ứng dụng những thành tựu khoa học - công nghệ nên đã bỏ lỡ nhiều cơ hội để vươn lên;
- (4) Sử dụng vốn đầu tư còn chưa hiệu quả;
- (5) Các CSDT vẫn chủ yếu là các chính sách hỗ trợ trực tiếp, chưa có nhiều chính sách đầu tư, hỗ trợ có điều kiện, với mục đích cung cấp kỹ năng, tự tạo sinh kế bền vững cho đồng bào các DTTS;
- (6) Vùng đồng bào DTTS vẫn còn mang tư tưởng ỷ lại, trông chờ vào sự hỗ trợ của Nhà nước, không muốn vươn lên để thoát nghèo...

### 3. Giải pháp thực hiện trong giai đoạn mới

*Thứ nhất*, cần tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách

của Đảng và Nhà nước về VĐDT, CTDT, trong đó đặc biệt cần bồi dưỡng, nâng cao nhận thức cho đồng bào các DTTS tích cực thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về VĐDT, CTDT.

*Thứ hai*, tiếp tục chú trọng công tác xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện các CSDT cần phải phù hợp với trình độ phát triển kinh tế - xã hội, đặc trưng văn hóa của từng vùng, miền, đặc điểm của từng dân tộc, từng địa phương. Trong tổ chức thực hiện các CSDT cần có sự phân loại cụ thể để thực hiện có trọng điểm, hiệu quả, dứt điểm, nhất là đối với những chính sách quan trọng, cấp bách, phù hợp với khả năng tiếp nhận và sự chuẩn bị ở mỗi dân tộc, mỗi địa phương, đồng thời đáp ứng yêu cầu phát triển của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

Tăng cường sự phối hợp trong xây dựng và tổ chức thực hiện CSDT. Hệ thống CSDT liên quan đến nhiều lĩnh vực, do nhiều ngành chịu trách nhiệm quản lý nên cần có sự phối hợp chặt chẽ và đồng bộ giữa các cơ quan, nhất là các bộ chuyên ngành.

Cần tuân thủ đúng quy định của *Hiến pháp* về vai trò tham gia của Hội đồng Dân tộc đối với các dự thảo CSDT trước khi Chính phủ ban hành. Ủy ban Dân tộc chủ động hình thành cơ chế quản lý thông tin về hệ thống CSDT ở cấp tỉnh và trung ương; xây dựng kế hoạch, chương trình công tác; phối hợp chặt chẽ với Hội đồng Dân tộc trong việc xác định vấn đề chính sách, xây dựng nội dung chính sách và tổ chức thực thi, tiến hành kiểm tra, giám sát hàng năm và 5 năm. Cải tiến tổ chức và điều hành quản lý trên cơ sở những chế định rõ ràng về trách nhiệm, phân công hợp lý, xác lập cơ cấu tổ chức phù hợp.

*Thứ ba*, cần tiếp tục đẩy mạnh sự tham gia của các tổ chức Mặt trận Tổ quốc, Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên, Hội Cựu chiến binh, Hội Nông dân... vào các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội và xóa đói, giảm

nghèo trên địa bàn. Một số hoạt động có thể giao trực tiếp, như: quản lý tín dụng giao cho Hội phụ nữ, mô hình kỹ thuật giao cho Đoàn Thanh niên hoặc tổ chức khác tùy theo điều kiện từng nơi.

*Thứ tư*, bình đẳng, đoàn kết, tương trợ, giúp nhau cùng phát triển là nguyên tắc cơ bản của CSDT được Đảng ta đề ra trong Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (năm 1991) và được khẳng định trong Văn kiện các đại hội, nghị quyết Hội nghị Trung ương của Đảng và trong Cương lĩnh bổ sung, phát triển năm 2011. Vì vậy, nâng cao hiệu quả thực hiện các CSDT là công việc quan trọng, cơ bản, thường xuyên, lâu dài, đòi hỏi phải được tiến hành có lộ trình, kiên trì, nhất quán và không ngừng đổi mới, hoàn thiện. Các CSDT được xây dựng và ban hành phải là động lực trực tiếp thúc đẩy bình đẳng, đoàn kết giữa các dân tộc và phát huy vai trò, tiềm năng thật sự của mỗi dân tộc. □

#### **Chú thích:**

1. Hồ Chí Minh. *Toàn tập*. Tập 12. H. NXB Chính trị quốc gia, 2011, tr. 372.
- 2, 5. Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*. Tập I. H. NXB Chính trị quốc gia Sự thật, 2021, tr. 34, 170.
- 3, 4. Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới và hội nhập (Đại hội VI, VIII, VIII, IX, X, XI)*. H. NXB Chính trị quốc gia, 2013, tr. 204, 741.

#### **Tài liệu tham khảo:**

1. Báo cáo số 426/BC-CP ngày 04/10/2018 của Chính phủ đánh giá 3 năm thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi (giai đoạn 2016 - 2018).
2. Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 12/3/2003 Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 7 (khóa IX) về công tác dân tộc.
3. Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030.